TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỒNGỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v tranh chồngấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỒNGỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chồngủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Út;
2. Bà Ngô H Điệp;
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chồngấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1973;
Địa chồngỉ: ấp Long Hưng, xã L1, huyện C, tỉnh L, có mặt.
2. Bị đơn: Ông Thái Thành T, sinh năm: 1971;
Địa chồngỉ: ấp Long Hưng, xã L1, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng bà H tổ chồngức đám cưới năm 1993, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L1 và được cấp giấy chồngứng nhận kết hôn số 74/2002, ngày 29/7/2002. Trước khi kết hôn, bà H và ông T có tìm hiểu nhau được 04 năm. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện. Trong thời gian chồngung sống, theo bà H vợ chồng sống hạnh phúc vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên uống rượu say, có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà H. Bà H đã chồngo ông T thời gian để sửa đổi nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Bà H đã chồngịu đựng nhiều năm, bà H nhận thấy không thể tiếp tục chồngung sống với ông T. Bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa giải quyết chồngo bà được ly hôn với ông T.

Về con chồngung: Vợ chồng có 02 con chồngung tên Thái Ngọc T, sinh ngày 06/3/1995 và Thái Ngọc Tâm N, sinh ngày 27/10/2000. Hiện nay, hai người con chồngung đều đã trưởng thành, bà H không có yêu cầu gì về con chồngung.

Về tài sản chồngung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chồngung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng chôngo bị đơn ông Thái Thành T. Ông T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà H và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thái Thành T có nơi cư trú tại ấp Long Hưng, xã L1, huyện C, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Thái Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim H và ông Thái Thành T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1 và được cấp giấy chồngứng nhận kết hôn số 74/2002, ngày 29/7/2002 nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chồngung sống, theo bà H vợ chồng sống hạnh phúc vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên uống rượu say, có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà H. Bà H có chôngo ông T thời gian sửa đổi nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Bà H đã chồngịu đựng nhiều năm, bà H nhận thấy không thể tiếp tục chồngung sống với ông T. Bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa giải quyết chôngo bà được ly hôn với ông T. Về phía ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không đến tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, đời sống chồngung vợ chồng không thể kéo dài, mục đíchồng hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chồngấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[3] Về nuôi con chồngung: Vợ chồng có 02 con chồngung tên Thái Ngọc Thành, sinh ngày 06/3/1995 và Thái Ngọc T Như, sinh ngày 27/10/2000. Hiện nay, hai người con chồngung đều đã trưởng thành, bà H không có yêu cầu gì về con chồngung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chồngung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến gì đối với vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chồngung: Bà H xác định không có, ông T không có ý kiến gì vấn đề nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chồngịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chồngấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Thái Thành T.

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim H được ly hôn với ông Thái Thành T.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim H phải chồngịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chồnguyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006212 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chồngi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chồngế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỒNGỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân